

Bản án số: 91/2024/HS-ST
Ngày: 18-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 89/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc D - sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 08/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Phạm Văn T và con bà Hoàng Thị V; vợ : Phùng Kim D1; con: có 02 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng lệnh “*Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh*”. (Bị cáo D có mặt tại phiên toà)

*** Bị hại:**

+ Anh Nguyễn Xuân S – sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: NO 18, Liền kề 18- 51 C6 TH7, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

+ Chị Lại Phương T1 – sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: Cụm C, T, Đ, huyện H, thành phố Hải Phòng

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đặng Văn D2 – sinh năm 1992 (vắng mặt)

HKTT: Thôn B, V, huyện P, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc D – sinh năm 1991, HKTT : thôn M, xã H, huyện Ú, thành phố Hà Nội, nghề nghiệp: lao động tự do, không có chuyên môn, nghiệp vụ cũng như làm công việc liên quan đến lĩnh vực Ngân hàng. Năm 2020, với mục đích để có tiền tiêu sài cá nhân, Dầu thông quan các hội nhóm trên mạng xã hội Facebook đã đăng tải, chia sẻ bài viết về việc hỗ trợ làm hồ sơ vay vốn trong ngân hàng thì có anh Nguyễn Xuân S – sinh năm 1989 ở L, H, Hà Nội và chị Lại Phương T1 – sinh năm 1990 ở C, T, Đ, H, Hải Phòng là những người đang có nhu cầu vay tiền nên đã liên lạc với D thì được D tư vấn bản thân có khả năng làm được hồ sơ vay tín chấp trong ngân hàng (là hình thức vay vốn không cần tài sản bảo đảm, chỉ cần căn cước công dân, sổ hộ khẩu) thời gian làm hồ sơ từ 15 đến 40 ngày, với chi phí là khoảng 30% đến 40% giá trị khoản vay. Sau đó, D yêu cầu S và T1 chuyển hình ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và tiền để làm hồ sơ. Do tin tưởng D nên S và T1 đã chuyển tiền cho D để làm hồ sơ vay vốn cụ thể như sau :

+ Ngày 24/5/2020, S chuyển cho D số tiền mặt là 15.000.000 đồng tại nhà D ở M, H, Ú, Hà Nội và chuyển khoản cho D hai lần vào ngày 06/6/2020 là 5.000.000 đồng; ngày 09/6/2020 là 10.000.000 đồng.

+ Ngày 24/6/2020, T1 chuyển khoản cho D số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với hồ sơ vay tiền của Nguyễn Xuân S : Tại cơ quan điều tra D khai nhận, năm 2020 thông qua mạng xã hội Facebook, D có quen biết với một người giới thiệu tên Đặng Văn D2, D liên lạc với D2 qua số điện thoại của D2 là 0974788459, người này giới thiệu có khả năng làm được hồ sơ vay vốn trong ngân hàng với chi phí 30% giá trị khoản vay, duyệt hồ sơ nhanh chóng chỉ cần chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, nếu Dầu tìm được khách hàng thì sẽ được phần trăm hoa hồng. Nên sau khi nhận hồ sơ và tiền của S, D đã chuyển hồ sơ và số tiền là 14.000.000 đồng cho D2 để làm hồ sơ vay vốn cho S, cụ thể: Ngày 07/6/2020, D chuyển số tiền 7.000.000 đồng, ngày 09/6/2020, D chuyển số tiền 7.000.000 đồng đến số tài khoản 700015903045 mang tên Đặng Văn D2 mở tại Ngân hàng S2. Số tiền còn lại là 16.000.000 đồng D sử dụng để chi tiêu cá nhân. Sau đó, D không liên lạc được với D2. Đến thời gian theo thỏa thuận, D không làm được hồ sơ vay vốn cho S, do đã sử dụng tiền để chi tiêu cá nhân nên D không trả S số tiền trên.

Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ú đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín đối với thông tin chủ thuê bao của số điện thoại 0974788459 và lịch sử cuộc gọi từ ngày 01/5/2020 đến 31/8/2020, kết quả: Số thuê bao trên đứng tên Hà Thị S1- sinh năm 1960, địa chỉ xã L, huyện P, TP .; trên hệ thống không còn lưu lịch sử cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn của số điện thoại trên. Cơ quan điều tra đã làm việc với bà Hà Thị S1, bà S1 khai không sử dụng và không có số điện thoại trên, bà không đăng ký chính chủ, không biết ai sử dụng, không liên quan gì đối với số điện thoại 0974788459, bà không biết, không có quan hệ gì với Đặng Văn D3.

Xác minh thông tin chủ số tài khoản 700015903045 tại Ngân hàng S2 là của Đặng Văn D2- sinh năm: 1992, HKTT ở thôn B, V, P, Hà Nội hiện đang thi hành án phạt tù tại Trai giam T2, địa chỉ: thị trấn Y, N, Thanh Hóa. Làm việc với Cơ quan điều tra Đặng Văn D2 khai nhận, không có mối quan hệ với ai tên Phạm Ngọc D - sinh năm 1991 ở M, H, Ư, Hà Nội. Ngày 07/6/2020 và ngày 09/6/2020 tài khoản tại Ngân hàng S2 của D2 nhận được tổng số tiền là 14.000.000 đồng, nhưng D2 không biết số tiền trên là tiền của ai, không biết lý do chuyển tiền đến tài khoản của D2. Sau khi nhận được tiền do không thấy ai liên lạc nên D2 không biết trả ai số tiền này và đã sử dụng để chi tiêu cá nhân. Sau khi làm việc với cơ quan điều tra, D2 mới biết số tiền trên là của Phạm Ngọc D - sinh năm 1991 ở M, H, Ư, Hà Nội. Do hiện tại D2 đang thi hành án phạt tù nên sẽ liên lạc, thông báo với người thân để hoàn trả Phạm Ngọc D số tiền trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp nhận dạng, đối chất, tuy nhiên Phạm Ngọc D4 không nhận ra Đặng Văn D2, còn D2 khẳng định không quen biết, không nhận tiền của D4 để làm hồ sơ vay vốn.

Đối với hồ sơ vay tiền của Lại Phương T1: Tại cơ quan điều tra D4 khai nhận, sau khi Đặng Văn D2 không làm được hồ sơ vay vốn, thông qua mạng xã hội Facebook, D4 tiếp tục quen biết với một người giới thiệu tên Vũ Thị N, người này cũng giới thiệu có khả năng làm được hồ sơ vay vốn trong ngân hàng, nên sau khi nhận hồ sơ và tiền của Lại Phương T1, ngày 24/6/2020 D4 đã chuyển số tiền 7.700.000 đồng đến số tài khoản 003704060201728 mang tên Vũ Thị N1 tại Ngân hàng Q để làm hồ sơ vay vốn cho T1. Số tiền còn lại là 7.300.000 đồng D4 sử dụng để chi tiêu cá nhân. Sau đó, D4 không liên lạc được với N1 nữa; đến thời gian theo thỏa thuận, D4 không làm được hồ sơ vay vốn cho T1, tuy nhiên do đã sử dụng tiền để chi tiêu cá nhân nên D4 không trả T1 số tiền trên.

Xác minh thông tin chủ số tài khoản 003704060201728 tại Ngân hàng Q là Vũ Thị N1 - sinh ngày: 15/4/1991, quê quán: T, Thái Bình, nơi thường trú: Số G- Tổ A- Đường K,T, Hà Nội, số căn cước công dân: 034191000017 cấp ngày 20/6/2017, nơi cấp: Cục đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia và dân cư. Cơ quan điều tra đã làm việc với Vũ Thị N có thông tin như trên, N khẳng định không mở và sử dụng tài khoản số 003704060201728 tại Ngân hàng Q. N cung cấp cho Cơ quan Điều tra Căn cước công dân của N số 034191000017 cấp ngày 05/6/2017, nơi cấp: Cục đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia và dân cư và khẳng định căn cước công dân số 034191000017 cấp ngày 20/6/2017 dùng để mở tài khoản tại ngân hàng Q không phải là căn cước công dân của N, ảnh nhận dạng trên căn cước công dân này không phải hình ảnh của N. Xác minh tại Đội quản lý hành chính Công an quận B xác định, Vũ Thị N có 02 lần cấp căn cước công dân, lần 01 là ngày 11/6/2013, lần 02 là ngày 05/6/2017. Quá trình xác minh, cơ quan CSĐT- Công an huyện Ư chưa xác định được người mở và sử dụng số tài khoản 003704060201728 tại ngân hàng Q là ai.

Ngày 12/6/2024, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ú đã ra Quyết định trưng cầu Phòng K- Công an thành phố H giám định chữ ký, chữ viết trên « Mẫu đăng ký mở tài khoản và sử dụng dịch vụ, khách hàng Vũ Thị N ». Tại kết luận giám định số 5585 ngày 05/8/2024 của Phòng K- Công an thành phố H kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết trên Mẫu đăng ký mở tài khoản và sử dụng dịch vụ, khách hàng Vũ Thị N so với chữ ký, chữ viết của Vũ Thị N - sinh năm 1991, HKTT ở số G- Tổ A- Đường K, T, Hà Nội có phải là chữ do cùng một người ký và viết ra hay không.

Khám xét nơi ở của Phạm Ngọc D tại M, H, Ú, Hà Nội không phát hiện thu giữ gì.

Quá trình điều tra Phạm Ngọc D đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho anh S số tiền là 30.000.000 đồng, trả cho chị T1 số tiền là 15.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 90/CT - VKS ngày 29/8/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà truy đã truy tố bị cáo: Phạm Ngọc D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: bị cáo đã thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố cả về tội danh nội dung cũng như điều luật, khoản áp dụng như trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản
- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.
- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung.
- Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.
- Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Ngọc D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa, Điều tra viên Công an huyện Ư đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự và thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp, phù hợp với các quy định của BLTTHS.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình thẩm tra tại phiên tòa bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người chứng kiến và phù hợp vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Phạm Ngọc D làm nghề lao động tự do, bản thân không có chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn liên quan đến việc làm hồ sơ vay vốn trong ngân hàng nhưng vào thời gian tháng 5, tháng 6 năm 2020 Phạm Ngọc D đã thực hiện hành vi đưa ra thông tin gian dối, chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Xuân S ở L, H, Hà Nội số tiền 30.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Lại Phương T1 ở Đ, H, Hải Phòng số tiền 15.000.000 đồng.

Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc D đã phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Ngọc D có năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, đủ để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời đảm bảo phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội 02 lần nên bị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; đồng thời bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự; bị cáo có việc làm, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an

ninh, trật tự xã hội nên không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội; có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung; đồng thời thể hiện sự khoan hồng nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Xuân S số tiền 30.000.000đồng; bồi thường cho chị Lại Phương T1 số tiền 15.000.000 đồng, anh S và chị T1 đã nhận đủ số tiền trên và không đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Vấn đề khác:

Đối với Đặng Văn D2, ngoài lời khai của Phạm Ngọc D và tài liệu chuyển tiền, thì không còn tài liệu nào khác chứng minh D2 hứa hẹn làm hồ sơ vay vốn cho D. Do vậy, không đủ căn cứ xác định hành vi của Đặng Văn D2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với nhân thân, lý lịch và hành vi phạm tội của người mở, sử dụng số tài khoản 003704060201728 mang tên Vũ Thị N tại Ngân hàng Q, ngày 21/8/2024, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Ú đã ra Quyết định tách hồ sơ vụ án hình sự số 1435 để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với số tiền 14.000.000 đồng, Phạm Ngọc D chuyển vào tài khoản của Đặng Văn D2, D có quan điểm không đề nghị D2 phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Phạm Ngọc D 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc D cho UBND xã H, huyện Ú, TP . để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã nơi bị cáo đăng ký thường trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Phạm Ngọc D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Ngọc D phải nộp số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định BLTTHS; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Công an huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo ĐKTT;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Bích Hằng